

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 02 năm 2020

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 960/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trà Q N, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 0, xã T, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Tô K H, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, L, khóm 0, p, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trà Quang Nghiêm trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2006 anh và chị Tô K H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân p, thành phố C, tỉnh C, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trà Q T, sinh năm 2004 và Trà B T, sinh năm 2008. Hiện nay các con chung đang sống cùng với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Tô K H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến

hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Tô K H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trà Q N và chị Tô K H kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân p, thành phố C, tỉnh C. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Tại phiên tòa, anh N xác định không còn tình cảm yêu thương chị H, hôn nhân không còn hạnh phúc, anh N mong muốn được ly hôn với chị H và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh N và chị H có 02 người con chung tên Trà Q T, sinh năm 2004 và Trà B T, sinh năm 2008. Hiện nay các con chung đang sống cùng với anh N. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay thì các con chung đều do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung có nguyện vọng được sống cùng với anh N. Do đó, để đảm bảo cho các con chung được ổn định về cuộc sống nên giao con chung cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định không có.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trà Q N được ly hôn với chị Tô K H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trà Q T, sinh năm 2004 và Trà B T, sinh năm 2008 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/12/2019 anh N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001104 tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã T, TP. Cà Mau;
- UBND phường 1, TP. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang